



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 21

Ngày 31 tháng 03 năm 2026

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

24/03/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 701/QĐ-UBND về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La	3
24/03/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 703/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu cụ thể được giao tại Kế hoạch hoạt động năm 2026 ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP của Ban Chỉ đạo Chính phủ, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.	20
24/03/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 706/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Sơn La.	46
27/03/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 735/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026.	51
30/03/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 757/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai Tiểu dự án 1: “Truyền thông về phòng, chống ma túy” thuộc Dự án 7 của Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La	58

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 701/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 24 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô
của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Công văn số 1084-CV/TU ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 210/TTr-STC ngày 12 tháng 3 năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

1. Phân bổ số lượng tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung cho Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh; sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; từng xã; và các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc: Chi tiết theo Phụ lục số 01 kèm theo.

2. Quy định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP): Chi tiết theo Phụ lục số 02 kèm theo.

3. Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ (*sửa đổi, bổ sung tại điểm i khoản 2 Điều 2 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP*): Chi tiết theo Phụ lục số 03 kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Thực hiện đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức trang bị xe ô tô theo quy định tại Quyết định này; đồng thời công khai thực hiện việc trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng định mức và các văn bản quy định hiện hành.

b) Báo cáo UBND tỉnh xử lý xe ô tô dôi dư, thanh lý xe ô tô khi đủ điều kiện theo quy định; bố trí sắp xếp đội ngũ lái xe khi xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của pháp luật về lao động.

c) Thực hiện cập nhật đầy đủ, chính xác số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; hạch toán và công khai chi phí sử dụng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

d) Trong trường hợp có thay đổi về cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh; các sở, ban, ngành, rà soát, báo cáo Sở Tài chính trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung.

đ) Trong trường hợp có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh và UBND các xã, phường; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường rà soát, báo cáo Sở Tài chính trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng.

2. Sở Tài chính

a) Rà soát, sắp xếp lại số lượng xe ô tô hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND các xã, phường đảm bảo không vượt quá số lượng định mức sử dụng xe ô tô của từng cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 1; báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý xe ô tô dôi dư đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

c) Đôn đốc các cơ quan, đơn vị cập nhật đầy đủ số liệu xe ô tô sau khi rà soát, xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn,

định mức sử dụng xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La, trừ quy định tại khoản 5, Điều 1 Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh.

Trong thời gian UBND tỉnh chưa ban hành quy định mới về phương thức quản lý xe ô tô; việc quản lý xe ô tô được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Tiến

Phụ lục số 01

PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH SƠN LA*(Kèm theo Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND tỉnh)*

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng (xe ô tô)
	TỔNG CỘNG	333
I	KHỐI CÁC VĂN PHÒNG	18
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh	9
2	Văn phòng UBND tỉnh; trong đó:	9
-	Văn phòng UBND tỉnh	8
-	Nhà khách Thanh Xuân - HN	1
II	SỞ, BAN, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP TỈNH	145
1	Sở Tài chính	4
2	Sở Dân tộc và Tôn giáo	1
3	Sở Công thương; trong đó:	4
-	Sở Công Thương (cơ quan Văn phòng)	2
-	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Sơn La	2
4	Sở Giáo dục và đào tạo	51
	Văn phòng Sở Giáo dục và đào tạo	5
-	Trường THPT Chuyên	1
-	Trường THPT Tô Hiệu	1
-	Trường THPT Chiềng Sinh	1
-	Trường THCS & THPT Nguyễn Du	1
-	Trường THPT Mường La	1
-	Trường THPT Mường Bú	1
-	Trường THPT Quỳnh Nhai	1
-	Trường THPT Mường Giôn	1
-	Trường THPT Thuận Châu	1
-	Trường THPT Bình Thuận	1
-	Trường THPT Co Mạ	1
-	Trường THPT Tông Lệnh	1
-	Trường THPT Mai Sơn	1
-	Trường THPT Chu Văn Thịnh	1

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng (xe ô tô)
-	Trường THPT Cò Nòi	1
-	Trường THPT Sông Mã	1
-	Trường THPT Mường Lầm	1
-	Trường THPT Chiềng Khương	1
-	Trường THPT Sốp Cộp	1
-	Trường THPT Yên Châu	1
-	Trường THPT Phiêng Khoài	1
-	Trường THPT Mộc Ly	1
-	Trường THPT Thảo Nguyên	1
-	Trường THCS & THPT Chiềng Sơn	1
-	Trường THPT Tân Lập	1
-	Trường THPT Mộc Hạ	1
-	Trường THPT Vân Hồ	1
-	Trường THPT Bắc Yên	1
-	Trường THPT Phù Yên	1
-	Trường THPT Gia Phù	1
-	Trường THPT Tân Lang	1
-	Trường PTDT Nội trú tỉnh	1
-	Trường PTDT Nội trú THCS - THPT huyện Mường La	1
-	Trường PTDT Nội trú THCS - THPT huyện Quỳnh Nhai	1
-	Trường PTDT Nội trú THCS - THPT huyện Thuận Châu	1
-	Trường PTDT Nội trú THCS - THPT huyện Sông Mã	1
-	Trường PTDT Nội trú THCS - THPT huyện Sốp Cộp	1
-	Trường PTDT Nội trú THCS - THPT huyện Mai Sơn	1
-	Trường PTDT Nội trú THCS - THPT huyện Yên Châu	1
-	Trường PTDT Nội trú THCS - THPT huyện Mộc Châu	1
-	Trường PTDT Nội trú THCS - THPT huyện Vân Hồ	1
-	Trường PTDT Nội trú THCS - THPT huyện Phù Yên	1
-	Trường PTDT Nội trú THCS - THPT huyện Bắc Yên	1
-	Trung tâm GDTX tỉnh	1
-	Trung tâm GDTX Sông Mã	1

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng (xe ô tô)
-	Trung tâm Giáo dục hòa nhập tỉnh	1
5	Sở Nội vụ	4
-	Văn phòng Sở Nội vụ	2
-	Trung tâm Lưu trữ, việc làm, người có công	2
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	15
-	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	3
-	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	1
-	Trung tâm Khuyến nông và Chuyển đổi số	2
-	Chi cục Kiểm lâm	2
-	Chi cục Chăn nuôi, thú y và Thủy sản	1
-	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1
-	Chi cục Phát triển nông thôn	1
-	Văn phòng Đăng ký đất đai	2
-	Trung tâm Nước và Quan trắc môi trường	2
7	Sở Tư pháp	3
-	Sở Tư pháp (cơ quan Văn phòng Sở)	3
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	6
-	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (cơ quan Văn phòng Sở)	4
-	Trung tâm Văn hóa Thể thao	2
9	Sở Xây dựng	4
	Văn phòng Sở Xây dựng	4
10	Sở Khoa học và Công nghệ	3
-	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	2
-	Trung tâm hỗ trợ Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số	1
11	Sở Ngoại vụ	1
12	Thanh tra tỉnh	5
13	BQL các khu công nghiệp	2
-	BQL các khu công nghiệp	1
-	TT dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp	1
14	Sở Y tế; trong đó:	42
-	Sở Y tế (cơ quan/Văn phòng Sở Y tế)	4

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng (xe ô tô)
-	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	2
-	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	1
-	Trung tâm Pháp y - Giám định Y khoa	1
-	Bệnh viện Mắt	1
-	Bệnh viện Tâm thần	1
-	Bệnh viện Phổi	2
-	Bệnh viện Phong và Da liễu	2
-	Bệnh viện Nội tiết	1
-	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Sơn La	2
-	Bệnh viện Phục hồi chức năng	2
-	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	2
-	Bệnh viện Đa khoa khu vực Sông Mã	2
-	Bệnh viện Đa khoa khu vực Sốp Cộp	2
-	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mai Sơn	2
-	Bệnh viện Đa khoa khu vực Quỳnh Nhai	2
-	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mộc Châu	2
-	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Hồ	2
-	Bệnh viện Đa khoa khu vực Thuận Châu	2
-	Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Châu	2
-	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mường La	1
-	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Yên	2
-	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên	2
III	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND TỈNH	14
1	Trường Cao đẳng Sơn La	2
2	Trường Cao đẳng kỹ thuật công nghệ Sơn La	1
3	Trường Cao đẳng Y tế	1
4	BQL Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp và phát triển đô thị tỉnh	2
5	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	4
-	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT (Văn phòng tỉnh)	2

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng (xe ô tô)
-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Thuận Châu	1
-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Vân Hồ	1
6	Ban Quản lý các dự án ĐT xây dựng các công trình giao thông	2
7	Trung tâm Phát triển quỹ đất	1
8	Trung tâm Xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch	1
IV	ỦY BAN MTTQ VN TỈNH VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI	6
-	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Sơn La	6
V	CẤP XÃ (75 xã, phường)	150
-	Mỗi xã/phường (bao gồm cả Đảng ủy cấp xã); trong đó:	2
-	Văn phòng Đảng ủy cấp xã	1
-	Văn phòng HĐND - UBND cấp xã	1

Phụ lục số 02

**SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ BÁN TẢI, XE Ô TÔ TỪ 12-16 CHỖ NGỒI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC CHUNG CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA
ĐƯỢC GIAO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 5, ĐIỀU 8,
NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP NGÀY 26/9/2023 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND tỉnh)**

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chủng loại	Số lượng	Nhiệm vụ được giao sử dụng xe ô tô	Ghi chú
	TỔNG SỐ		33		
	Trong đó	Xe bán tải	31		
		Xe 16 chỗ	2		
I	Sở Nông nghiệp và Môi trường				
1	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Xe bán tải	1	Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp	
2	Chi cục Trồng trọt và BVTV	Xe bán tải	1		
3	Trung tâm Khuyến nông và chuyển đổi số	Xe bán tải	1		
4	Chi cục Kiểm lâm			Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng	
-	Đội kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng	Xe bán tải	2		
-	Hạt kiểm lâm khu vực I	Xe bán tải	1		
-	Hạt kiểm lâm khu vực II	Xe bán tải	1		
-	Hạt kiểm lâm khu vực III	Xe bán tải	1		
-	Hạt kiểm lâm khu vực IV	Xe bán tải	1		
-	Hạt kiểm lâm khu vực V	Xe bán tải	1		
-	Hạt kiểm lâm khu vực VI	Xe bán tải	1		
-	Hạt kiểm lâm khu vực VII	Xe bán tải	1		
-	Hạt kiểm lâm khu vực VIII	Xe bán tải	1		
-	Hạt kiểm lâm khu vực IX	Xe bán tải	1		
-	Hạt kiểm lâm khu vực X	Xe bán tải	1		
-	Hạt kiểm lâm khu vực XI	Xe bán tải	1	Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng	
-	Hạt kiểm lâm khu vực XII	Xe bán tải	1		
-	Hạt kiểm lâm khu vực XIII và khu bảo tồn thiên nhiên Mường La	Xe bán tải	1		
-		Xe bán tải	1		

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chủng loại	Số lượng	Nhiệm vụ được giao sử dụng xe ô tô	Ghi chú
-	Hạt kiểm lâm khu vực XV và khu rừng đặc dụng Tà Xùa	Xe bán tải	1		
-	Hạt kiểm lâm khu vực XVI và khu rừng đặc dụng Xuân Nha	Xe bán tải	1		
-	Hạt kiểm lâm khu vực XVII và khu rừng đặc dụng phòng hộ Sốp Cộp	Xe bán tải	1		
II	Sở Nội vụ				
1	Trung tâm Lưu trữ, việc làm, người có công	Xe 16 chỗ	1	Phục vụ người có công	
III	Sở Công thương				
1	Chi cục Quản lý thị trường				
-	Đội Quản lý thị trường số 1	Xe bán tải	1	Phục vụ nhiệm vụ quản lý thị trường	
-	Đội Quản lý thị trường số 2		1		
-	Đội Quản lý thị trường số 3		1		
-	Đội Quản lý thị trường số 4		1		
-	Đội Quản lý thị trường số 5		1		
-	Đội Quản lý thị trường số 6		1		
IV	Sở Khoa học và Công nghệ				
1	Trung tâm đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Xe bán tải	2	Vận chuyển máy móc, thiết bị, mẫu thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	
V	Sở Y tế				
1	Trung tâm Bảo trợ xã hội	Xe bán tải	1	Bảo trợ xã hội	
		Xe 16 chỗ	1		

Phụ lục số 03

**TRÌNH TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG
CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA**

(Kèm theo Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ			Ghi chú
		Chủng loại	Số lượng	Mục đích sử dụng xe ô tô chuyên dùng	
	TỔNG SỐ		123		
A	CẤP TỈNH				
I	Sở Nông nghiệp và Môi trường				
1	Chi cục Kiểm lâm	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng phòng cháy, chữa cháy	1	Kiểm lâm, phòng chống cháy rừng	
2	Trung tâm Khuyến nông và chuyển đổi số	Xe ô tô tải trên 1 tấn	1	Phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp	
3	Trung tâm Nước và Quan trắc môi trường	Xe ô tô tải 2,5 tấn	1	Quan trắc phân tích mẫu môi trường	
II	Sở Công thương				
	Chi cục Quản lý thị trường				
1	Văn phòng Chi cục Quản lý thị trường	Xe ô tô tải	2	Quản lý thị trường	
2	Đội Quản lý thị trường số 1	Xe ô tô tải	1	Quản lý thị trường	
3	Đội Quản lý thị trường số 2	Xe ô tô tải	1	Quản lý thị trường	
4	Đội Quản lý thị trường số 3	Xe ô tô tải	1	Quản lý thị trường	
5	Đội Quản lý thị trường số 4	Xe ô tô tải	1	Quản lý thị trường	
6	Đội Quản lý thị trường số 5	Xe ô tô tải	1	Quản lý thị trường	
7	Đội Quản lý thị trường số 6	Xe ô tô tải	1	Quản lý thị trường	
III	Sở Khoa học và Công nghệ				
	Trung tâm đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Xe cẩu	1	Vận chuyển máy móc, thiết bị thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ	
IV	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ			Ghi chú
		Chủng loại	Số lượng	Mục đích sử dụng xe ô tô chuyên dùng	
	Trung tâm văn hóa thể thao	Xe ô tô tải 2,5 tấn có gắn thiết bị thư viện chuyên dụng	1	Phục vụ thư viện lưu động cho bạn đọc	
		Xe ô tô ca 39 chỗ ngồi	1	Chở diễn viên, vận chuyển trang thiết bị, dụng cụ phục vụ nhà hát ca múa nhạc	
		Xe ô tô tải	1		
		Xe ô tô từ 24 chỗ đến 29 chỗ ngồi	1		
		Xe ô tô tải 2,5 tấn thùng kín	1	Chở vận động viên đi thi đấu khu vực và toàn quốc	
		Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1		
		Xe ô tô gắn âm ly tuyên truyền lưu động	1	Phục vụ tuyên truyền nhiệm vụ chính trị tại cơ sở	
V	Sở Y tế				
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Xe ô tô khác được thiết kế dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	Phục vụ công tác phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm; quản lý sức khỏe cộng đồng; khám phát hiện, điều trị dự phòng và các dịch vụ y tế khác	
		Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế.	1		
		Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng	2		
		Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định	1		
2	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh	1	Phục vụ công tác kiểm tra, quản lý chất lượng thuốc,	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ			Ghi chú
		Chủng loại	Số lượng	Mục đích sử dụng xe ô tô chuyên dùng	
		vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế.		mỹ phẩm, thực phẩm	
3	Trung tâm Pháp y - Giám định Y khoa	Xe giám định pháp y, xe vận chuyển tử thi	1	Phục vụ công tác giám định y khoa trên địa bàn tỉnh	
4	Bệnh viện Mắt	Xe ô tô cứu thương	2	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	
5	Bệnh viện Tâm thần	Xe ô tô cứu thương	3	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	
		Xe chở rác	1	Thu gom, vận chuyển rác thải y tế.	
6	Bệnh viện Phổi	Xe ô tô cứu thương	3	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	
		Xe chụp X.quang lưu động	1		
7	Bệnh viện Phong và Da liễu	Xe ô tô cứu thương	1	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	
		Xe vận chuyển người bệnh	1		
		Xe chở rác	1	Thu gom, vận chuyển rác thải y tế.	
8	Bệnh viện Nội tiết	Xe ô tô cứu thương	2	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	
		Xe chở rác	1	Thu gom, vận chuyển rác thải y tế.	
9	Bệnh viện Y Dược cổ truyền tỉnh Sơn La	Xe ô tô cứu thương	4	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ			Ghi chú
		Chủng loại	Số lượng	Mục đích sử dụng xe ô tô chuyên dùng	
10	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)	1	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	
		Xe vận chuyển người bệnh	1		
		Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng	1		
11	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Xe ô tô cứu thương	7	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	
		Xe lấy máu	1		
		Xe chỉ đạo tuyến có gắn thiết bị chuyên dùng	1		
		Xe chuyển giao kỹ thuật có gắn thiết bị chuyên dùng	1		
		Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi	1		
		Xe chở rác	1	Thu gom, vận chuyển rác thải y tế.	
12	Bệnh viện đa khoa khu vực Sông Mã	Xe ô tô cứu thương	3	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	
		Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)	1		
		Xe chở rác	1	Thu gom, vận chuyển rác thải y tế.	
13	Bệnh viện đa khoa khu vực Sốp Cộp	Xe ô tô cứu thương	2	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	
		Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng	1		

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ			Ghi chú
		Chủng loại	Số lượng	Mục đích sử dụng xe ô tô chuyên dùng	
		rải được trang bị máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)			
14	Bệnh viện đa khoa khu vực Mai Sơn	Xe ô tô cứu thương	4	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	
15	Bệnh viện đa khoa khu vực Quỳnh Nhai	Xe ô tô cứu thương	2	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	
		Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)	1		
16	Bệnh viện đa khoa khu vực Mộc Châu	Xe ô tô cứu thương	4	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	
		Xe chở rác	1	Thu gom, vận chuyển rác thải y tế.	
17	Bệnh viện đa khoa khu vực Vân Hồ	Xe ô tô cứu thương	4	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	
		Xe thu gom, ép rác, xe chở rác, chất thải...)	1	Thu gom, vận chuyển rác thải y tế.	
18	Bệnh viện đa khoa khu vực Thuận Châu	Xe ô tô cứu thương	4	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	
		Xe thu gom, ép rác, xe chở rác, chất thải...	1	Thu gom, vận chuyển rác thải y tế.	
		Xe ô tô khác được thiết kế dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ			Ghi chú
		Chủng loại	Số lượng	Mục đích sử dụng xe ô tô chuyên dùng	
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm.	1		
19	Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Châu	Xe ô tô cứu thương	4	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	
		Xe thu gom, ép rác, xe chở rác, chất thải...	1	Thu gom, vận chuyển rác thải y tế.	
20	Bệnh viện đa khoa khu vực Mường La	Xe ô tô cứu thương	3	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	
		Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)	1		
21	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Yên	Xe ô tô cứu thương	3	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	
22	Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên	Xe ô tô cứu thương	4	Phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu...	
VII	Trường Cao đẳng Y tế	Xe ô tô 29 chỗ ngồi	1	Phục vụ vận chuyển học sinh, sinh viên	
VIII	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Sơn La	Xe ô tô tải tập lái (1,25 tấn)	6	Phục vụ công tác đào tạo lái xe	
		Xe ô tô con tập lái	2		
IX	Trường Cao đẳng Sơn La	Xe ô tô 29 chỗ ngồi	1	Phục vụ vận chuyển học sinh, sinh viên	
B	CẤP XÃ				

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ			Ghi chú
		Chủng loại	Số lượng	Mục đích sử dụng xe ô tô chuyên dùng	
	Mỗi xã/ phường có đơn vị trực thuộc thì đơn vị được áp dụng như sau:				
1	Phòng Kinh tế/ Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị/ Phòng Kinh tế, văn hóa xã hội	Xe ô tô tải	1	Phục vụ nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng, quản lý quy hoạch trên địa bàn	
2	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	Xe phát thanh truyền hình lưu động	1	Phục vụ nhiệm vụ tuyên truyền lưu động trên địa bàn	
3	Trạm Y tế	Xe vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1	Vận chuyển thiết bị, vắc xin, sinh phẩm, dụng cụ, vật tư y tế ...	
		Xe ô tô cứu thương	1	Phục vụ công tác khám, chữa bệnh, sơ cứu, cấp cứu, phục hồi chức năng theo phân tuyến kỹ thuật	

Ghi chú:

Giá mua xe ô tô chuyên dùng được xác định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng theo quy định tại khoản 3, Điều 17, Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 703/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 24 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu cụ thể được giao tại Kế hoạch hoạt động năm 2026 ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP của Ban Chỉ đạo Chính phủ, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 73/TTr-SKHCN ngày 13 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu cụ thể được giao tại Kế hoạch hoạt động năm 2026 ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP của Ban Chỉ đạo Chính phủ, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trung Chiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện các chỉ tiêu cụ thể được giao tại Kế hoạch hoạt động năm 2026
ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP của Ban Chỉ đạo
Chính phủ, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết
số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số 703/QĐ-UBND
ngày 24/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)**

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW; bảo đảm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đóng góp thiết thực vào mục tiêu nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản trị, chất lượng dịch vụ công và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ, kết quả, chất lượng thực hiện nhiệm vụ; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm khi chậm trễ.

2. Yêu cầu

- Bám sát đầy đủ các chỉ tiêu được giao chủ trì tại Quyết định số 11/QĐ BCĐCP ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ, Nghị quyết số 71/NQ CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

- Mỗi chỉ tiêu phải được cụ thể hóa thành một hoặc nhiều nội dung triển khai cụ thể, dưới các hình thức phù hợp với tính chất của chỉ tiêu và tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương. Xác định rõ phương pháp tính, đo lường kết quả thực hiện, phân công cụ thể phòng ban, đơn vị chủ trì, thời hạn hoàn thành, xác định nguồn lực thực hiện và cơ chế tổ chức triển khai.

- Kế hoạch phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của cơ quan, đơn vị, địa phương.

II. CHUẨN HÓA ĐO LƯỜNG VÀ KIỂM SOÁT SỐ LIỆU

1. Mỗi chỉ tiêu được cụ thể hóa về Công thức tính; Đơn vị tính; Nguồn dữ liệu gốc; Hệ thống trích xuất dữ liệu; Tần suất cập nhật; Cơ quan tổng hợp.

2. Ưu tiên sử dụng dữ liệu trích xuất trực tiếp từ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, dashboard quản trị; hạn chế tối đa tổng hợp thủ công.

3. Đối với các chỉ tiêu có nguy cơ sai lệch cao (ví dụ: 100% hồ sơ điện tử, xử lý toàn trình, dịch vụ công toàn trình, mức độ hài lòng), phải thực hiện: Đối chiếu

tối thiểu 02 nguồn dữ liệu; Kiểm tra chéo giữa số lượng phát sinh và số lượng xử lý; Kiểm tra thực địa hoặc kiểm tra đột xuất khi cần thiết.

4. Không công nhận kết quả đạt nếu: Hồ sơ được xử lý ngoài hệ thống rồi nhập lại; Văn bản ký số nhưng vẫn lưu hành song song bản giấy; Chữ ký số được cấp nhưng không phát sinh sử dụng; Chỉ số hài lòng không đủ cỡ mẫu hoặc không đo đúng quy trình.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Các chỉ tiêu cụ thể tỉnh được giao chủ trì thực hiện

- Có $\geq 70\%$ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp xã được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử.

- Có $\geq 80\%$ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện thuộc phạm vi, chức năng quản lý của cơ quan (bao gồm các thủ tục hành chính thực hiện tại cấp tỉnh, xã).

- Có $\geq 80\%$ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

- Có $\geq 80\%$ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số.

- Có $\geq 50\%$ cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin hoặc công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Có $\geq 95\%$ người dân, doanh nghiệp đánh giá ở mức độ hài lòng trở lên khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.

- Có từ 05 sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược được thương mại hóa thành công.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Danh mục nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các chỉ tiêu

(Chi tiết tại các Phụ lục II đến X kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND xã, phường và các đơn vị có liên quan căn cứ các chỉ tiêu cụ thể được giao để tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện, bảo đảm đạt chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra.

2. Văn phòng UBND tỉnh

Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp đánh giá số liệu báo cáo của các cơ quan, đơn vị về các chỉ tiêu thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến. Kịp thời tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các chỉ tiêu về giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.

3. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an triển khai các khóa đào tạo, tập huấn về quản trị dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin, công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh; xây dựng, cập nhật các tài liệu hướng dẫn, học liệu điện tử và chương trình đào tạo trực tuyến về quản trị dữ liệu.

4. Sở Tài chính

Tham mưu bố trí nguồn ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cần triển khai thực hiện bằng nguồn ngân sách. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn kinh phí được giao theo quy định.

5. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tham mưu, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm chuyên trách về CNTT, chuyển đổi số cho các đơn vị sau khi có đề xuất của các cơ quan, đơn vị liên quan và theo chỉ đạo, hướng dẫn của các bộ, ngành có thẩm quyền; đăng ký chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức quản lý, chuyên trách về CNTT, chuyển đổi số trình UBND tỉnh phê duyệt hàng năm.

6. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường

- Các đồng chí Giám đốc, Chủ tịch UBND các xã, phường, Trưởng Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh về tiến độ, kết quả thực hiện Kế hoạch này. Đồng thời, chỉ đạo việc đề xuất, huy động, bố trí nguồn lực theo quy định để bảo đảm thực hiện hiệu quả; thường xuyên đôn đốc, kịp thời xử lý các chỉ tiêu, nhiệm vụ chậm tiến độ, kém hiệu quả hoặc phát sinh vướng mắc.

- Triển khai đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu công việc; chủ động triển khai các giải pháp tạo lập, số hóa, chuyển đổi, tích hợp các cơ sở dữ liệu của cơ quan, đơn vị vào hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; tích hợp, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo ngành dọc từ Trung ương tới các cấp trong tỉnh Sơn La.

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bảo đảm thống nhất, không chồng chéo. Trường hợp phát sinh nội dung vượt thẩm quyền hoặc giao thoa chức năng, cơ quan chủ trì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước khi thực hiện.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CƠ CHẾ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Chế độ báo cáo

- Trước 17h00 ngày 12 hằng tháng, các cơ quan, đơn vị cập nhật đầy đủ, kịp thời tình hình thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao lên Hệ thống thông tin báo cáo do Sở Khoa học và Công nghệ triển khai để báo cáo mức độ đạt được của các chỉ tiêu theo kế hoạch; kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai để phục vụ công tác theo dõi, chỉ đạo, điều hành (*báo cáo phải kèm theo số liệu được trích xuất trực tiếp từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan để làm căn cứ đối chiếu, kiểm chứng thông tin*).

- Đối với các chỉ tiêu, nhiệm vụ chưa đạt hoặc chậm tiến độ so với kế hoạch, cần báo cáo nêu rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan; đồng thời đề xuất cụ thể các giải pháp, biện pháp khắc phục và giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo để bảo đảm hoàn thành mục tiêu đề ra.

2. Cơ chế kiểm tra, giám sát

- Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 thực hiện kiểm tra đột xuất đối với các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Nội dung kiểm tra tập trung vào kết quả thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu đặt ra và trách nhiệm của cá nhân, tập thể trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời dữ liệu từ các hệ thống thông tin quản lý, sử dụng để phục vụ việc kiểm tra, rà soát và đối chiếu. Việc cung cấp dữ liệu phải bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và đúng thời hạn theo yêu cầu của cơ quan tổng hợp.

- Trường hợp phát hiện việc báo cáo không trung thực, cung cấp thông tin sai lệch hoặc không đầy đủ so với dữ liệu thực tế, sẽ tiến hành xem xét, làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan và đề xuất cấp có thẩm quyền áp dụng các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị và các nhiệm vụ tại Kế hoạch này triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả./

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

STT	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Phương pháp tính	Nguồn dữ liệu gốc/Hệ thống trích xuất dữ liệu	Cơ quan theo dõi, tổng hợp, đánh giá	Ghi chú
1	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp xã được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử	-	$\geq 70\%$	a= Số văn bản, hồ sơ công việc được xử lý, phê duyệt, trao đổi hoàn toàn trên môi trường điện tử (bao gồm cả việc ký số, lưu trữ và gửi nhận văn bản điện tử qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành); b= Tổng số văn bản, hồ sơ công việc của cơ quan hành chính nhà nước; Tỷ lệ= a/b	Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của cơ quan, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ	Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục II
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện thuộc phạm vi, chức năng quản lý của cơ quan (bao gồm các thủ tục hành chính thực hiện tại cấp tỉnh, xã)	90,46%	$\geq 80\%$	a= Số TTHC của cơ quan, đơn vị đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; b= Tổng số TTHC đủ điều kiện thuộc phạm vi, chức năng quản lý của cơ quan; Tỷ lệ= a/b	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của bộ, ngành, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục III

STT	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Phương pháp tính	Nguồn dữ liệu gốc/Hệ thống trích xuất dữ liệu	Cơ quan theo dõi, tổng hợp, đánh giá	Ghi chú
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	-	≥80%	a= Số TTHC của cơ quan, đơn vị đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; b= Tổng số TTHC được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh; Tỷ lệ= a/b	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của bộ, ngành, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục IV
4	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước	-	≥80%	a= Số thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước; b= Tổng số thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan sản xuất, kinh doanh của cơ quan, đơn vị; Tỷ lệ= a/b	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của bộ, ngành, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục V

STT	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Phương pháp tính	Nguồn dữ liệu gốc/Hệ thống trích xuất dữ liệu	Cơ quan theo dõi, tổng hợp, đánh giá	Ghi chú
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số	98,7%	100%	a= Số cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số; b= Tổng số cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị; Tỷ lệ= a/b	Báo cáo của các cơ quan, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ	Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục VI
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin hoặc công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu	-	≥50%	a= Số cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin hoặc công nghệ thông tin, chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu; b= Tổng số cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin hoặc công nghệ thông tin, chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị; Tỷ lệ= a/b	Báo cáo của các cơ quan, đơn vị	Công an tỉnh	Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục VII

STT	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Phương pháp tính	Nguồn dữ liệu gốc/Hệ thống trích xuất dữ liệu	Cơ quan theo dõi, tổng hợp, đánh giá	Ghi chú
7	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ công trực tuyến	-	100%	a= Số TTHC đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ công trực tuyến; b= Số TTHC đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp; Tỷ lệ= a/b	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của bộ, ngành, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục VIII
8	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá ở mức độ hài lòng trở lên khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến	98,73%	≥95%	a= Số người dân, doanh nghiệp đánh giá ở mức độ hài lòng trở lên khi thực hiện TTHC, DVCTT; b= Tổng số người dân, doanh nghiệp tham gia đánh giá mức độ thực hiện TTHC, DVCTT; Tỷ lệ= a/b	Cổng Dịch vụ công quốc gia	Văn phòng UBND tỉnh	Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục IX
9	Thương mại hóa thành công sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược	-	05 sản phẩm	Sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược	Báo cáo của các cơ quan, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ	Chi tiết nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục X

Phụ lục II
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU “TỶ LỆ VĂN BẢN, HỒ SƠ CÔNG VIỆC
TẠI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC CẤP TỈNH, CẤP XÃ ĐƯỢC XỬ LÝ
TOÀN TRÌNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ ĐẠT TRÊN 70%”

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
1	Hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ xử lý công việc trên môi trường điện tử	Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm hệ thống mạng, đường truyền và các thiết bị đầu cuối đáp ứng yêu cầu vận hành các hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành và xử lý công việc trên môi trường điện tử tại các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh và cấp xã	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Đơn vị có liên quan	Tháng 6/2026	Báo cáo kết quả rà soát, đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu vận hành các hệ thống thông tin phục vụ quản lý, điều hành và xử lý công việc trên môi trường điện tử
2	Nâng cấp hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Triển khai đồng bộ, nâng cấp và khai thác hiệu quả hệ thống quản lý văn bản và điều hành dùng chung, bảo đảm hỗ trợ đầy đủ quy trình tiếp nhận, xử lý, luân chuyển, ký số, phát hành và lưu trữ văn bản điện tử. Đồng thời bảo đảm kết nối, liên thông giữa các cấp chính quyền theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ	Tháng 6/2026	Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đáp ứng yêu cầu về tiếp nhận, xử lý, luân chuyển, ký số, phát hành và lưu trữ văn bản điện tử

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
3	Sử dụng chữ ký số trong xử lý văn bản điện tử	Đăng ký và sử dụng chữ ký số cho cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện ký số đối với văn bản điện tử trong toàn bộ quy trình xử lý, phê duyệt và ban hành văn bản, bảo đảm thay thế các văn bản giấy trong các hoạt động quản lý, điều hành	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Tỷ lệ văn bản điện tử được ký số trong quá trình xử lý, phê duyệt và ban hành đạt 100%
4	Chuẩn hóa quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử	Rà soát, chuẩn hóa và số hóa các quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc trong nội bộ cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Đơn vị có liên quan	Tháng 6/2026	Quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên Hệ thống thông tin được quy định trong Quy chế hoạt động của cơ quan, đơn vị
5	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng hệ thống thông tin	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kỹ năng sử dụng hệ thống Quản lý văn bản, chữ ký số và các nền tảng số phục vụ xử lý công việc, bảo đảm việc khai thác, sử dụng các hệ thống được thực hiện hiệu quả, đúng quy định	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Đơn vị cung cấp dịch vụ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Khi hệ thống có thay đổi, nâng cấp	100% cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống Quản lý văn bản, chữ ký số và các nền tảng số phục vụ xử lý công việc

Phụ lục III
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU “TỶ LỆ TTHC CUNG CẤP DỊCH VỤ
CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH TRÊN TỔNG SỐ TTHC ĐỦ ĐIỀU KIỆN THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA CƠ QUAN ĐẠT TRÊN 80%”

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Tổ chức rà soát toàn bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; xác định các thủ tục đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo quy định để đưa ra lộ trình triển khai phù hợp	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	- Đợt 1: Tháng 3/2026; - Các đợt tiếp theo: Khi có quy định mới của Trung ương	Danh mục TTHC đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi, chức năng quản lý
2	Chuẩn hóa, đơn giản hóa quy thủ tục hành chính	Chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo hướng điện tử hóa toàn bộ các bước xử lý; giảm bớt các khâu trung gian, đơn giản hóa thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết nhằm phù hợp với việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	- Đợt 1: Tháng 3/2026; - Các đợt tiếp theo: Khi có quy định mới của Trung ương	Danh mục TTHC đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đã được chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình
3	Tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu	Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ;	- Đợt 1: Tháng 6/2026;	Tỷ lệ HTTT, CSDL chuyên ngành có liên quan được kết nối với

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
	và hệ thống thông tin liên quan	dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin khác nhằm hỗ trợ xác thực thông tin, giảm thành phần hồ sơ và nâng cao mức độ tự động hóa trong xử lý thủ tục hành chính		Văn phòng UBND tỉnh	- Các đợt tiếp theo: Khi có quy định mới của Trung ương	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 80%
4	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cập nhật và khai thác hiệu quả kho dữ liệu điện tử để phục vụ việc giải quyết TTHC trên môi trường số, hạn chế yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp lại các giấy tờ đã có trong hệ thống	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 95%
5	Triển khai thanh toán trực tuyến và trả kết quả trực tuyến	Tích hợp, cung cấp các hình thức thanh toán trực tuyến đối với các thủ tục hành chính có phát sinh nghĩa vụ tài chính; đồng thời triển khai các hình thức trả kết quả trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích để hoàn thiện quy trình dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt trên 80%

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
6	Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Tổ chức Chiến dịch thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; hỗ trợ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa các cấp nhằm nâng cao tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Các Tổ Công nghệ số cộng đồng	Thường xuyên	Chiến dịch, sản phẩm tuyên truyền
7	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về quy trình xử lý hồ sơ trực tuyến, kỹ năng sử dụng hệ thống thông tin giải quyết TTHC và các nền tảng số liên quan nhằm bảo đảm việc giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện hiệu quả trên môi trường điện tử	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Đơn vị cung cấp, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	Khi hệ thống có thay đổi, nâng cấp	100% cán bộ, công chức, viên chức có liên quan của cơ quan, đơn vị khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống thông tin giải quyết TTHC và các nền tảng số liên quan

Phụ lục IV
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU “TỶ LỆ TTHC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH TRÊN TỔNG SỐ TTHC ĐƯỢC GIAO QUY ĐỊNH HOẶC QUY ĐỊNH CHI TIẾT TRONG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẠT TRÊN 80%”

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
1	Rà soát thủ tục hành chính trong các văn bản quy phạm pháp luật	Tổ chức rà soát toàn bộ thủ tục hành chính được quy định hoặc quy định chi tiết trong các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND các cấp ban hành hoặc được giao quy định; xác định các thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình để đưa ra lộ trình triển khai phù hợp	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	- Đợt 1: Tháng 3/2026; - Các đợt tiếp theo: Khi có quy định mới của Trung ương	Danh mục các thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình được quy định hoặc quy định chi tiết trong các văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh
2	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định để bảo đảm điều kiện thực hiện trực tuyến toàn trình	Rà soát các quy định pháp lý có liên quan đến thành phần hồ sơ, quy trình xử lý, phương thức nộp và trả kết quả; đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định nhằm tạo điều kiện cho việc tiếp nhận, xử lý và trả kết quả thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường điện tử	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Quý II/2026	Đề xuất, kiến nghị trong các Báo cáo về cải cách TTHC của cơ quan, đơn vị

Phụ lục V
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU “TỶ LỆ THÔNG TIN, GIẤY TỜ, TÀI LIỆU
TRONG CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN SẢN XUẤT, KINH DOANH CHỈ PHẢI
CUNG CẤP MỘT LẦN CHO CƠ QUAN NHÀ NƯỚC ĐẠT TRÊN 80%”

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
1	Rà soát, chuẩn hóa thông tin, giấy tờ, tài liệu trong TTHC liên quan đến sản xuất, kinh doanh	Tổ chức rà soát các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm xác định các loại thông tin, giấy tờ, tài liệu đang được yêu cầu cung cấp nhiều lần; thực hiện chuẩn hóa danh mục dữ liệu, biểu mẫu thông tin phục vụ việc chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu trong quá trình giải quyết TTHC	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	- Đợt 1: Tháng 3/2026; - Các đợt tiếp theo: Khi có quy định mới của Trung ương	(1) Danh mục các TTHC có liên quan đến sản xuất, kinh doanh; (2) Danh mục các thông tin, giấy tờ, tài liệu đang được yêu cầu cung cấp nhiều lần; (3) Danh mục các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được triển khai bằng hình thức khai thác dữ liệu đã có
2	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC liên quan	Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, giấy tờ và kết quả giải quyết TTHC liên quan đến sản xuất, kinh doanh;	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC liên

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
	đến sản xuất, kinh doanh	lưu trữ trong kho dữ liệu điện tử để phục vụ việc khai thác, sử dụng lại trong các lần thực hiện TTHC tiếp theo				quan đến doanh nghiệp đạt 100%
3	Khai thác có hiệu quả kho dữ liệu điện tử phục vụ giải quyết TTHC	Quản lý và khai thác hiệu quả kho dữ liệu điện tử của tỉnh, bảo đảm lưu trữ các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được số hóa để các cơ quan nhà nước có thể sử dụng lại khi giải quyết các TTHC có liên quan	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại dữ liệu trong Kho dữ liệu điện tử phục vụ giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị đạt trên 80%
4	Hoàn thiện các quy định, quy chế về quản lý, chỉ đạo và sử dụng dữ liệu	Ban hành hoặc cập nhật các quy chế, quy định về quản lý, chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, bảo đảm việc sử dụng dữ liệu được thực hiện đúng quy định, an toàn và hiệu quả	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh	Quý II/2026	Quy định, quy chế của UBND tỉnh về quản lý, chia sẻ và sử dụng dữ liệu

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
5	Đào tạo, hướng dẫn cán bộ, công chức trong khai thác và sử dụng dữ liệu	Tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức có liên quan về quy trình khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử trong giải quyết TTHC; nâng cao nhận thức và kỹ năng trong việc tái sử dụng dữ liệu để giảm yêu cầu cung cấp lại thông tin	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Đơn vị cung cấp, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	Thường xuyên	100% cán bộ, công chức, viên chức có liên quan của cơ quan, đơn vị có kỹ năng khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử trong giải quyết TTHC

Phụ lục VI
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU “TỶ LỆ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG SỐ ĐẠT 100%”

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
1	Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số	Xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức theo lộ trình cụ thể; nội dung đào tạo tập trung vào kỹ năng sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung, xử lý công việc trên môi trường điện tử, khai thác dữ liệu số và bảo đảm an toàn thông tin...	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Theo thời hạn giao tại Kế hoạch của tỉnh	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số của cơ quan, đơn vị
2	Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số	Triển khai các khóa đào tạo, tập huấn trực tiếp và trực tuyến nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng sử dụng các nền tảng số, hệ thống thông tin phục vụ công việc, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số và các công cụ làm việc trên môi trường số	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Theo Kế hoạch của tỉnh và của cơ quan, đơn vị	Các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số được tổ chức

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
3	Phát triển tài liệu và học liệu phục vụ đào tạo kỹ năng số	Xây dựng, cập nhật bộ tài liệu, video hướng dẫn và học liệu điện tử phục vụ đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức; cung cấp trên các nền tảng học tập trực tuyến để thuận tiện cho việc tự học và nâng cao năng lực số	Sở Khoa học và Công nghệ	Đơn vị có liên quan	Quý II/2026	Tài liệu, học liệu được phổ biến
4	Bố trí kinh phí và nguồn lực cho công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số	Bảo đảm kinh phí, nguồn lực cần thiết để tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số; khuyến khích hợp tác với các cơ sở đào tạo, tổ chức, doanh nghiệp trong việc nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan	Theo Quyết định giao dự toán	Báo cáo kết quả triển khai
5	Gắn kết quả đào tạo kỹ năng số với đánh giá cán bộ, công chức, viên chức	Đưa việc tham gia và hoàn thành các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm và CSDL của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2026	Quyết định ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức của cơ quan đơn vị (trong đó có tiêu chí về việc tham gia và hoàn thành các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số)

Phụ lục VII
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU “TỶ LỆ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐẢM NHIỆM VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHUYÊN TRÁCH VỀ QUẢN LÝ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HOẶC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYÊN ĐỐI SỐ CỦA TỈNH ĐƯỢC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ QUẢN TRỊ DỮ LIỆU ĐẠT TRÊN 50%”

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
1	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về quản trị dữ liệu	Triển khai các khóa đào tạo, tập huấn về quản trị dữ liệu, bao gồm các nội dung như quản lý dữ liệu, chuẩn hóa dữ liệu, tích hợp và chia sẻ dữ liệu, phân tích và khai thác dữ liệu, quản lý chất lượng dữ liệu và bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2026	Lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về quản trị dữ liệu được tổ chức
2	Phát triển tài liệu và học liệu phục vụ đào tạo về quản trị dữ liệu	Xây dựng, cập nhật các tài liệu hướng dẫn, học liệu điện tử và chương trình đào tạo trực tuyến về quản trị dữ liệu để cán bộ, công chức, viên chức có thể chủ động học tập và nâng cao năng lực chuyên môn	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý III/2026	Tài liệu, học liệu được phổ biến
3	Bố trí kinh phí và nguồn lực cho công tác đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu	Bảo đảm kinh phí, nguồn lực cần thiết để tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu; khuyến khích sử dụng các nền tảng đào tạo trực tuyến để mở rộng cơ hội học tập cho cán bộ, công chức, viên chức	Sở Tài chính	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Theo Quyết định giao dự toán	Báo cáo kết quả triển khai

Phụ lục VIII
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU “TỶ LỆ TTHC ĐỦ ĐIỀU KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN ĐẠT 100%”

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
1	Rà soát, xác định TTHC đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Tổ chức rà soát toàn bộ thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị; xác định các thủ tục đủ điều kiện để cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định để triển khai theo lộ trình phù hợp	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	- Đợt 1: Tháng 3/2026; - Các đợt tiếp theo: Khi có quy định mới của Trung ương	(1) Danh mục các TTHC có liên quan đến doanh nghiệp; (2) Danh mục các TTHC đủ điều kiện liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp DVCTT
2	Chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình TTHC liên quan đến doanh nghiệp	Rà soát, chuẩn hóa quy trình giải quyết TTHC liên quan đến doanh nghiệp theo hướng đơn giản, rõ ràng, giảm bớt các bước trung gian và thành phần hồ sơ không cần thiết; bảo đảm phù hợp với việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	- Đợt 1: Tháng 3/2026; - Các đợt tiếp theo: Khi có quy định mới của Trung ương	Danh mục các TTHC liên quan đến doanh nghiệp đã được chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
3	Số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC liên quan đến doanh nghiệp	Số hóa hồ sơ, giấy tờ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp; hình thành kho dữ liệu điện tử phục vụ việc tra cứu, tái sử dụng thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	- Đợt 1: Tháng 3/2026; - Các đợt tiếp theo: Khi có quy định mới của Trung ương	Danh mục các TTHC đã được chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình
4	Tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; bố trí lực lượng hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp nhằm nâng cao tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Các Tổ Công nghệ số cộng đồng	Thường xuyên	100% doanh nghiệp có nhu cầu được hỗ trợ, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến

Phụ lục IX
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU “TỶ LỆ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP ĐÁNH GIÁ Ồ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG TRỞ LÊN KHI THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN ĐẠT TRÊN 95%”

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
1	Bảo đảm tiến độ và chất lượng giải quyết hồ sơ	Kiểm soát tiến độ, chất lượng giải quyết TTHC; hạn chế tình trạng trễ hạn, yêu cầu bổ sung hồ sơ nhiều lần hoặc phát sinh thủ tục ngoài quy định	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Trên 95% hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn
2	Nâng cao chất lượng phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, hỗ trợ và phục vụ người dân, doanh nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa và các cơ quan giải quyết TTHC	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	100% cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa được người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng về kỹ năng giao tiếp, hỗ trợ và phục vụ
3	Tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị	Vận hành hiệu quả các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp liên quan đến việc giải quyết TTHC; kịp thời xử lý và phản hồi theo quy định	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Trên 98% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng trong việc xử lý phản ánh, kiến nghị của cơ quan, đơn vị

Phụ lục X
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU “THƯƠNG MẠI HÓA THÀNH CÔNG SẢN PHẨM THUỘC DANH MỤC CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC ĐẠT 05 SẢN PHẨM”

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
1	Rà soát, lựa chọn nhu cầu sử dụng các sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược từ các Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh	Tổ chức rà soát, xác định nhu cầu sử dụng các sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược có tiềm năng ứng dụng và thương mại hóa; ưu tiên các sản phẩm có khả năng triển khai trong thực tiễn, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Quý II/2026	Danh mục nhu cầu sử dụng các sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược từ các Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh
2	Công bố Danh mục nhu cầu sử dụng các sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược từ các Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh	Công khai thông tin trên Trang thông tin điện tử của tỉnh Sơn La; gửi văn bản đến các DN và HTX trên địa bàn tỉnh; công khai thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng	Cổng Thông tin điện tử của tỉnh; Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; Báo và Đài phát thanh truyền hình tỉnh	Đơn vị có liên quan	Quý II/2026	Danh mục nhu cầu sử dụng các sản phẩm được công khai thông tin

STT	Nhiệm vụ/ Giải pháp	Mô tả công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ/ giải pháp	Đơn vị phối hợp	Thời hạn (quý/tháng)	Kết quả/ Sản phẩm
3	Kết nối thị trường và xúc tiến thương mại sản phẩm công nghệ	Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm, kết nối cung cầu công nghệ nhằm quảng bá, giới thiệu và tìm kiếm thị trường cho các sản phẩm công nghệ chiến lược	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành, UBND các xã; phường; các DN, HTX trên địa bàn tỉnh; Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý III/2026	05 sản phẩm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 706/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 24 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2026;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 70/TTr-SKH-CN ngày 11 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trung Chiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Sơn La

*(Kèm theo Quyết định số 706/QĐ-UBND
ngày 24/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)*

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật) được Quốc hội khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2026.

Để thực hiện Luật kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Sơn La như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai kịp thời, đồng bộ và hiệu quả các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.
- Xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong triển khai thi hành Luật, bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả.
- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân về vai trò của tài sản trí tuệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.
- Đảm bảo việc tổ chức triển khai Luật gắn với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, văn hóa - xã hội, nhằm phát huy hiệu quả giá trị của việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong thực tiễn.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các sở, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức liên quan trong triển khai thi hành Luật.
- Nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm, vai trò của cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì trong phối hợp với các sở, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức liên quan trong triển khai thi hành Luật.
- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, kịp thời đề xuất tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thi hành Luật.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về nội dung Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành

1.1. Công tác tuyên truyền, phổ biến

- Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành, UBND các xã, phường; Báo và Phát thanh, truyền hình Sơn La.

- Hình thức tuyên truyền thông qua trang thông tin điện tử của các sở, ngành, UBND các xã, phường và các chuyên mục trên báo và phát thanh, truyền hình Sơn La.

- Thời gian thực hiện: thường xuyên.

1.2. Hội nghị, hội thảo, tập huấn nội dung của Luật

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: các sở, ngành, UBND các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

2. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, kiến nghị cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của Luật và các văn bản quy định chi tiết Luật.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

3. Tham gia góp ý kiến vào dự thảo các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật (*bao gồm Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật...*)

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: các sở, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: theo tiến độ xây dựng dự thảo văn bản của cơ quan chủ trì soạn thảo.

4. Triển khai Chương trình quốc gia hỗ trợ tạo ra, bảo hộ, khai thác, quản lý, phát triển đối tượng quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh

- Nội dung: Tiếp tục triển khai Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030; triển khai và đề xuất giải pháp phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: các sở, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

5. Kiểm tra việc thi hành Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật

- Nội dung: tuyên truyền, kiểm tra xử lý vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công an tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: các sở, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

6. Tổ chức các nội dung hỗ trợ thi hành Luật theo quy định của pháp luật

- Nội dung hỗ trợ bao gồm: Hướng dẫn áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật; Tổ chức tiếp nhận và xử lý các kiến nghị, đề xuất của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện Luật và các văn bản hướng dẫn.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: các sở, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính chủ trì tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các sở, ngành, UBND các xã, phường để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch này có trách nhiệm lập kế hoạch, dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng và báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp, đôn đốc các sở, ngành, UBND các xã, phường tuyên truyền triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện hằng năm theo quy định.

2. Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 735/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 27 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện công tác bảo vệ bí mật Nhà nước
trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2026/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 91/TTr-CAT ANCTNB ngày 26 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026

*(Kèm theo Quyết định số 735/QĐ-UBND
ngày 27/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt nâng cao nhận thức, ý thức cảnh giác cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh trước mọi âm mưu, thủ đoạn, hoạt động lợi dụng sơ hở để lấy cắp, chiếm đoạt bí mật nhà nước (BMNN) của các thể lực thù địch, tội phạm, đối tượng xấu. Đồng thời xác định rõ việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ BMNN là nhiệm vụ cấp thiết, cơ bản, lâu dài, cần tập trung thực hiện; gắn trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương đối với công tác bảo vệ BMNN, coi đây là một trong các nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương, là một trong những tiêu chí để đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân cuối năm; tiêu chí đánh giá, công nhận cơ quan, đơn vị, địa phương đạt chuẩn về “An toàn về an ninh, trật tự”.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các tập thể, cá nhân trong cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm bảo vệ tuyệt đối an toàn BMNN và thực hiện tốt công tác bảo vệ BMNN.

3. Công tác bảo vệ BMNN phải được thực hiện một cách thường xuyên, nghiêm túc, quá trình tổ chức thực hiện cần chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý... làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động thu thập, lấy cắp, chiếm đoạt BMNN của các thể lực thù địch, tội phạm và đối tượng xấu; chủ động phối hợp với các cấp, các ngành liên quan kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN. Đề xuất các biện pháp khắc phục những sơ hở, thiếu sót, không để các thể lực thù địch, đối tượng xấu lợi dụng chống phá.

II. NỘI DUNG CÔNG TÁC TRỌNG TÂM

1. Thành lập Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ BMNN của tỉnh

- Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Tháng 4 năm 2026.

2. Công tác ban hành các văn bản quán triệt, triển khai

a) Ban hành Kế hoạch thực hiện công tác bảo vệ BMNN trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026.

- Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Trong tháng 3 năm 2026.

b) Triển khai và tổ chức thực hiện Luật Bảo vệ BMNN năm 2025 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo vệ bí mật nhà nước trong tình hình mới và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh bảo đảm đồng bộ, xuyên suốt, hiệu quả.

- Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, trọng tâm là 6 tháng đầu năm 2026.

c) Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh ban hành Quy chế bảo vệ BMNN của UBND tỉnh Sơn La phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: Quý II năm 2026.

d) Tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, thay thế Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh Sơn La khoá XV ban hành Quy chế Bảo vệ BMNN của HĐND tỉnh Sơn La phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: Quý II - III năm 2026.

e) Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định số 2314/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực bảo vệ BMNN; Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án đơn giản hoá trong lĩnh vực bảo vệ BMNN trên địa bàn tỉnh Sơn La phù hợp với Luật Bảo vệ BMNN năm 2025 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

- Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2026.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, bồi dưỡng pháp luật về bảo vệ BMNN; tăng cường bố trí, nâng cao chất lượng cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm làm nhiệm vụ bảo vệ BMNN

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ BMNN, trọng tâm là Luật Bảo vệ BMNN năm 2025 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

- Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về bảo vệ BMNN cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là nhân sự làm việc tại cơ quan, bộ phận, vị trí trọng yếu, cơ mật.

- Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan.

- Thời gian thực hiện: Quý II năm 2026.

c) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2026, trong đó quan tâm cử cán bộ tham gia đào tạo các chuyên ngành về công nghệ thông tin nhằm bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ thông tin, an toàn thông tin, cơ yếu đảm bảo năng lực ứng phó với sự cố an ninh mạng và ngăn chặn nguy cơ lộ, mất BMNN trên không gian mạng, đặc biệt là trong quá trình thực hiện chuyển đổi số quốc gia. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, đăng ký nhu cầu cử cán bộ tham gia lớp tập huấn chuyên sâu về công tác bảo vệ BMNN.

- Đơn vị chủ trì: Sở Nội vụ.

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2026.

d) Thực hiện chính sách đặc thù về thu hút, đào tạo và đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ làm công tác cơ yếu, bảo vệ BMNN trên địa bàn tỉnh; chú trọng lựa chọn những cán bộ có đủ tiêu chuẩn làm việc tại các bộ phận, vị trí trọng yếu, cơ mật; đồng thời tiến hành rà soát, củng cố, kiện toàn tổ chức đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ BMNN; bố trí số cán bộ này công tác ổn định, lâu dài, hạn chế luân chuyển; tích hợp nội dung công tác bảo vệ BMNN vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng, thi tuyển công chức, viên chức, văn thư, lưu trữ.

- Đơn vị chủ trì: Sở Nội vụ.

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

e) Rà soát, thống kê và lập sơ đồ cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ BMNN của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: Trong 6 tháng đầu năm 2026.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra và tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tin báo, tố giác về tội phạm, điều tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ BMNN

a) Tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN và an ninh mạng đối với một số cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh¹.

- Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: Tháng 7 năm 2026.

b) Tiến hành kiểm tra chuyên ngành việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương toàn tỉnh.

- Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: Quý II - III năm 2026.

c) Tiến hành kiểm tra đột xuất việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương toàn tỉnh.

- Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thời gian thực hiện: Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, sự cố, sự kiện, dấu hiệu bất thường theo quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN hoặc theo chỉ đạo của người có thẩm quyền hoặc theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

d) Kiểm tra, thẩm định an ninh, an toàn thông tin đối với các địa điểm, thiết bị kỹ thuật, hệ thống thông tin, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, các thiết bị điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin liên quan đến bí mật nhà nước (*sử dụng tại nơi có bí mật nhà nước; soạn thảo, lưu giữ, in, sao bí mật nhà nước*), tại các bộ phận, vị trí trọng yếu, cơ mật, nơi lưu trữ bí mật nhà nước, bí mật nội bộ thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương (*trừ hệ thống thông tin quân sự, hệ thống thông tin thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ và hệ thống thông tin do tổ chức cơ yếu trực tiếp quản lý, vận hành, có sử dụng các giải pháp, sản phẩm mật mã của ngành Cơ yếu Việt Nam để phục vụ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cơ yếu*).

¹Theo Công văn số 529/UBND-NC ngày 23/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thanh tra chuyên ngành năm 2026.

- Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, trọng tâm Quý II - III năm 2026.

e) Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác bảo vệ BMNN; các tin báo, tố giác về tội phạm đối với các trường hợp có dấu hiệu xâm phạm BMNN trên địa bàn.

- Đơn vị chủ trì: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

f) Tập trung điều tra, xác minh, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ BMNN -
Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: Khi phát hiện vi phạm.

5. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh mạng, phòng, chống lộ, mất BMNN trên không gian mạng, chủ động rà soát nguy cơ mất an toàn thông tin, nhất là trong triển khai Quyết định số 2481/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc chứa nội dung BMNN dùng chung trong hệ thống hành chính nhà nước.

- Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

6. Công tác đầu tư cơ sở vật chất, bổ sung kinh phí thực hiện công tác bảo vệ BMNN

a) Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện đồng bộ hạ tầng, cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, nhất là hạ tầng khoa học, kỹ thuật, công nghệ thông tin; tăng cường chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo nghiên cứu ứng dụng sản phẩm khoa học, công nghệ trong việc số hóa tài liệu BMNN.

- Đơn vị chủ trì: Các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

b) Dự trù, quyết toán kinh phí phục vụ bảo đảm thực hiện công tác bảo vệ BMNN trên địa bàn tỉnh.

- Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2026.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nội dung Kế hoạch này xây dựng Kế hoạch của cơ quan, đơn vị, địa phương mình, trong đó xác định rõ, chi tiết từng nhiệm vụ, lộ trình và thời hạn hoàn thành (*Hoàn thành trước ngày 10 tháng 4 năm 2026*).

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện bảo đảm chất lượng, tiến độ các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này, trọng tâm là các nhiệm vụ được giao chủ trì thực hiện. Báo cáo kết quả thực hiện gửi Công an tỉnh (qua Phòng An ninh chính trị nội bộ) trước ngày 10 tháng 11 năm 2026; thực hiện báo cáo đột xuất khi phát sinh yêu cầu. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi về Công an tỉnh để phối hợp hướng dẫn thực hiện hoặc tham mưu với Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

3. Giao Công an tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này; kịp thời tham mưu, đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả; định kỳ, đột xuất tổng hợp tình hình, kết quả, xây dựng báo cáo của UBND tỉnh gửi Bộ Công an theo quy định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 757/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 30 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai Tiểu dự án 1: “Truyền thông về phòng, chống ma túy” thuộc Dự án 7 của Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 7619/QĐ-BCA ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 1077/KH-BVHTTDL ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Triển khai Tiểu dự án 1: “Truyền thông về phòng, chống ma túy” đến năm 2030, thuộc Dự án 7 của Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Theo Quyết định số 2912/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 92/TTr-SVHTT&DL ngày 23 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Tiểu dự án 1: “Truyền thông về phòng, chống ma túy” thuộc Dự án 7 của Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trung Chiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Triển khai Tiểu dự án 1: “Truyền thông về phòng, chống ma túy”
thuộc Dự án 7 của Chương trình mục tiêu quốc gia phòng,
chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Ban hành kèm theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)**

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Tiểu dự án 1: “*Truyền thông về phòng, chống ma túy*” thuộc Dự án 7 của Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 (*Nghị quyết số 163/2024/QH15*), Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 (*Nghị quyết số 50/NQ-CP*) và Chương trình MTQG phòng, chống ma túy đến năm 2030.

- Tuyên truyền, phổ biến quán triệt sâu rộng đến cấp ủy, chính quyền các cấp, các tầng lớp Nhân dân về nội dung Chương trình MTQG phòng, chống ma túy đến năm 2030. Đổi mới, đa dạng hóa hình thức truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội trong công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về công tác phòng, chống ma túy; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về phòng, chống ma túy; nâng cao năng lực, kỹ năng cho đội ngũ thực hiện công tác truyền thông và đa dạng hóa các hình thức truyền thông về phòng, chống ma túy, tạo chuyển biến rõ nét về hành vi, ý thức chấp hành pháp luật trong phòng, chống ma túy; tăng cường phòng ngừa từ sớm, từ xa, từ cơ sở góp phần bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tổ chức triển khai thống nhất, đồng bộ và hiệu quả công tác truyền thông về phòng, chống ma túy góp phần thực hiện mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 theo Nghị quyết số 163/2024/QH15. Phát huy vai trò của hệ thống báo chí, xuất bản, thông tin cơ sở và nền tảng số trong cung cấp thông tin chính thống, kịp thời, định hướng dư luận xã hội, đấu tranh với thông tin sai lệch liên quan đến ma túy.

2. Yêu cầu

- Đa dạng hóa hình thức truyền thông; ưu tiên truyền thông có sự tham gia của cộng đồng dân cư tại cơ sở; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các nền tảng số trong tổ chức thực hiện.

- Các cơ quan báo chí của tỉnh xây dựng, duy trì chuyên trang, chuyên mục, tin, bài tuyên truyền phù hợp từng nhóm đối tượng và đặc điểm địa bàn; thường xuyên cập nhật phương thức, thủ đoạn mới của tội phạm ma túy để cảnh báo kịp thời. - Nâng cao năng lực cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cán bộ thông tin cơ sở và lực lượng truyền thông chính sách, bảo đảm tính chuyên sâu, chính xác và hiệu quả trong truyền thông về phòng, chống ma túy đến năm 2030.

- Lồng ghép nội dung truyền thông về phòng, chống ma túy với các chương trình, đề án, nhiệm vụ có liên quan; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh trùng lặp, lãng phí.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, các địa phương và các đơn vị liên quan trong tổ chức thực hiện Chương trình MTQG trên phạm vi toàn tỉnh. Xác định nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của đơn vị chủ trì và các đơn vị liên quan thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, Chính quyền các cấp, phát huy vai trò của các ngành, các cấp trong công tác truyền thông phòng, chống ma túy

Tiếp tục quán triệt, tăng cường thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, quy định, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống ma túy và tội phạm ma túy, qua đó nâng cao ý thức chấp hành, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, hệ thống chính trị, nhất là cấp cơ sở và Nhân dân trong việc tham gia phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn ma túy, góp phần quan trọng vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác truyền thông phòng, chống ma túy

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy với nội dung, hình thức, biện pháp, phương tiện phù hợp với từng nhóm đối tượng, tập trung vào các khu vực, địa bàn trọng điểm, phức tạp về ma túy, các nhóm nguy cơ cao, nhất là thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên, công nhân, người lao động...; xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, kịp thời khen thưởng, động viên những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phòng, chống và kiểm soát ma túy; tiếp tục triển khai hiệu quả các phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc, toàn dân tham gia phòng, chống ma túy gắn với cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và các phong trào thi đua yêu nước khác để huy động tối đa sức mạnh của toàn xã hội tham gia phòng, chống và kiểm soát ma túy.

3. Nội dung trọng tâm về truyền thông về phòng, chống ma túy

3.1. Tuyên truyền qua các cơ quan báo chí, xuất bản, hệ thống thông tin cơ sở và nền tảng mạng xã hội

- Thực hiện các chuyên đề, chuyên trang, chuyên mục, sản xuất, đăng tải các tác phẩm báo chí tuyên truyền về phòng, chống ma túy thông qua các cơ quan báo chí trung ương và địa phương.

- Sản xuất các đoạn phim ngắn, video clip, tờ rơi điện tử; Infographic, thông tin dưới dạng đồ họa tuyên truyền trên nền tảng số, Internet, mạng xã hội (Facebook, Zalo, Youtube...) về công tác phòng, chống ma túy.

- Xây dựng, phát hành tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền, sản phẩm truyền thông trực quan phục vụ công tác tuyên truyền về phòng, chống ma túy. Xuất bản sách điện tử, tài liệu điện tử, ấn phẩm số về phòng, chống ma túy.

- Tổ chức sản xuất và phát sóng các chương trình, tiểu phẩm về phòng, chống ma túy, mô hình cai nghiện ma túy của tỉnh phát trên kênh phát thanh có diện phủ sóng toàn quốc, đài truyền thanh cấp xã trên toàn tỉnh.

- Vận động, khuyến khích các cơ quan báo chí hưởng ứng tham gia các cuộc thi báo chí tuyên truyền về chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy.

3.2. Nâng cao năng lực hoạt động của cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở và đội ngũ truyền thông chính sách

- Xây dựng tài liệu, cẩm nang về kỹ năng truyền thông phục vụ công tác truyền thông về phòng, chống ma túy.

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho phóng viên, biên tập viên; kỹ năng quản lý cho lãnh đạo các cơ quan báo chí, đội ngũ làm công tác truyền thông, thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh

3.3. Huy động các hình thức truyền thông khác phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền về phòng, chống ma túy

- Đối với mạng viễn thông: Hỗ trợ nhắn tin tuyên truyền về “Ngày toàn dân phòng, chống ma túy - 26/6” và “Ngày quốc tế phòng, chống ma túy” theo chủ đề từng năm đến các thuê bao di động trên địa bàn toàn tỉnh.

- Đối với mạng lưới bưu chính: Lồng ghép nội dung truyền thông về phòng, chống ma túy trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính.

- Tổ chức các chiến dịch, lễ ra quân, hội thi tuyên truyền lưu động về phòng, chống ma túy; triển lãm ảnh tuyên truyền; Giải báo chí tuyên truyền về phòng, chống ma túy;

- Tổ chức các hoạt động khác: Tổ chức, lồng ghép qua các hoạt động và sự kiện, hội nghị, hội thảo; cung cấp tài liệu điện tử trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương để phục vụ công tác tuyên truyền.

3.4. Đánh giá hiệu quả công tác truyền thông về phòng, chống ma túy

- Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ rà quét, đánh giá xu hướng thông tin trên báo chí, truyền thông để nắm bắt các vấn đề phát sinh trong công tác truyền thông chính sách.

- Định kỳ đánh giá hiệu quả, chất lượng về công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của Đảng, Nhà nước trong đó có nội dung về công tác truyền thông về phòng, chống ma túy.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 và nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì triển khai, thực hiện Tiểu dự án 1: “Truyền thông về phòng, chống ma túy” thuộc Dự án 7 của Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La. Định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Tiểu dự án theo quy định của Chương trình.

- Phối hợp Công an tỉnh và các Sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai thông tin, tuyên truyền trên báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở; đổi mới, đa dạng hóa phương thức thông tin, tuyên truyền, ứng dụng công nghệ vào công tác tuyên truyền, tổ chức tuyên truyền thông qua các bảng tin điện tử công cộng với hình ảnh trực quan, sinh động; xây dựng chuyên mục, tin, bài, phim ngắn, video clip, thông tin dưới dạng đồ họa... để đăng tải, tuyên truyền, cảnh báo trên nền tảng công nghệ số của các mạng xã hội (Zalo, Facebook...). các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phòng, chống ma túy;

- Lồng ghép công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, du lịch kết hợp với tuyên truyền, quảng bá du lịch của tỉnh; lồng ghép tuyên truyền phòng, chống ma túy với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; “Khu dân cư văn hóa”, “Gia đình văn hóa” và các chương trình kinh tế - xã hội khác.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác thông tin, tuyên truyền về phòng, chống ma túy.

- Phối hợp các cơ quan liên quan kiểm soát, ngăn chặn hoạt động trao đổi thông tin trên mạng Internet để hoạt động phạm tội về ma túy.

2. Công an tỉnh Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức triển khai, thực hiện Tiểu dự án 1: “Truyền thông về phòng, chống ma túy” thuộc Dự án 7 của Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh/Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ lực lượng Công an các cấp thực hiện hiệu quả công tác truyền thông về phòng, chống ma túy. Tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật, tích cực tham gia lên án, tố giác tội phạm và tệ nạn ma túy, góp phần bảo đảm an ninh trật tự tại địa phương.

4. Sở Tài chính

Căn cứ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy và khả năng cân đối của ngân sách địa phương phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị liên quan tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách hiện hành để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chỉ đạo các doanh nghiệp Viễn thông, doanh nghiệp bưu chính trên địa bàn tỉnh: Hỗ trợ nhấn tin tuyên truyền về “Ngày toàn dân phòng, chống ma túy - 26/6” và “Ngày quốc tế phòng, chống ma túy” theo chủ đề từng năm đến các thuê bao di động. Lồng ghép nội dung truyền thông về phòng, chống ma túy trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính.

6. Báo và Phát thanh, truyền hình Sơn La

- Duy trì thời lượng, chuyên trang, chuyên mục, chủ động xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện, phối hợp lồng ghép công tác truyền thông phòng, chống ma túy với truyền thông về các chương trình kinh tế - xã hội khác. Phối hợp các đơn vị có liên quan sản xuất phim, video, tư liệu tuyên truyền phục vụ các hoạt động truyền thông phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao chất lượng truyền thông, đẩy mạnh chuyển đổi số báo chí, ứng dụng công nghệ, đổi mới phương thức truyền thông đa phương tiện để tạo hiệu quả truyền thông về Chương trình.

7. Các sở, ban, ngành Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động tuyên truyền phòng, chống ma túy; lồng ghép nhiệm vụ với hoạt động chuyên môn của cơ quan, đơn vị.

8. UBND các xã, phường Xây dựng, triển khai Kế hoạch trên địa bàn, đề ra các giải pháp cụ thể, phù hợp thực tiễn, yêu cầu của địa phương; tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; cụ thể hóa nội dung, nhiệm vụ của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 7 của Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương./.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBMTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Chiềng Cơi,
tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com